

# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

## **CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN PHÁT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015  
(đã được kiểm toán)

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN PHÁT

Tầng 5, Tòa nhà Grand Building,  
Số 32 Hòa Mã, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

---

### NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06-31
Bảng cân đối kế toán	06-08
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10-11
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu	12
Thuyết minh báo cáo tài chính	13-31

## **CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN PHÁT**

Tầng 5, Tòa nhà Grand Building,  
Số 32 Hòa Mã, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

---

### **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán An Phát (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

#### **CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Chứng khoán An Phát thành lập và hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh Chứng khoán số 63/UBCK-GP ngày 15/11/2007 và giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động Công ty Chứng khoán số 06/GPĐC-UBCK ngày 10/01/2013 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Trụ sở của Công ty tại: Tầng 5, Tòa nhà Grand Building, Số 32 Hòa Mã, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

#### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Hồ Hưng	Chủ tịch	
Ông Trần Thiên Hà	Phó Chủ tịch	
Ông Nguyễn Anh Dũng	Ủy viên	
Bà Nguyễn Thị Phương	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 23/4/2015
Ông Đinh Quốc Thắng	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 07/12/2015

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Trần Thiên Hà	Tổng Giám đốc
-------------------	---------------

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Lê Thị Mai Hòa	Trưởng ban
Bà Hoàng Thị Ánh Ngọc	Ủy viên
Bà Nguyễn Thị Tâm	Ủy viên

#### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN PHÁT

Tầng 5, Tòa nhà Grand Building,  
Số 32 Hòa Mã, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

### CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

#### Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Giám đốc



**Trần Thiên Hà**  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 19 tháng 01 năm 2016



Số: 444/2016/BC.KTTC-AASC.KT2

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Chứng khoán An Phát**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán An Phát (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 19 tháng 01 năm 2016, từ trang 06 đến trang 31, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 và Thuyết minh báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lập ra cho phù hợp dựa trên đánh giá rủi ro sai sót trọng yếu.



Chúng tôi xin cảm ơn Quý Công ty và Hội đồng Quản trị đã tạo điều kiện thuận lợi cho công việc kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán An Phát tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

### Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



**Nguyễn Thanh Tùng**

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0063-2013-002-1

**Vũ Xuân Biển**

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2013-002-1

*Hà Nội, ngày 16 tháng 03 năm 2016*



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
			VND	VND
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>150.112.288.553</b>	<b>129.543.627.094</b>
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	46.080.294.614	41.742.254.322
111	1. Tiền		14.280.294.614	2.142.254.322
112	2. Các khoản tương đương tiền		31.800.000.000	39.600.000.000
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	5	38.698.582.900	26.358.683.900
121	1. Đầu tư ngắn hạn		39.556.885.057	27.050.572.000
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(858.302.157)	(691.888.100)
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn	6	64.026.019.194	60.026.866.091
131	1. Phải thu của khách hàng		14.135.500.000	-
132	2. Trả trước cho người bán		16.000.000.000	12.000.000.000
135	4. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán		35.274.847.248	50.137.763.087
138	5. Các khoản phải thu khác		98.635.000	-
139	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(1.482.963.054)	(2.110.896.996)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		1.307.391.845	1.415.822.781
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		37.310.000	37.310.000
154	3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	7	1.251.270.075	1.251.270.075
158	5. Tài sản ngắn hạn khác	8	18.811.770	127.242.706
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>3.940.512.655</b>	<b>5.800.516.455</b>
220	II. Tài sản cố định		1.119.913.621	2.965.109.464
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	699.634.307	2.264.315.627
222	- Nguyên giá		5.052.768.446	6.052.768.446
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(4.353.134.139)	(3.788.452.819)
227	3. Tài sản cố định vô hình	10	420.279.314	700.793.837
228	- Nguyên giá		3.596.296.230	3.596.296.230
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(3.176.016.916)	(2.895.502.393)
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	11	1.014.343.356	1.014.343.356
258	4. Đầu tư dài hạn khác		1.350.000.000	1.350.000.000
259	5. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(335.656.644)	(335.656.644)
260	V. Tài sản dài hạn khác		1.806.255.678	1.821.063.635
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		-	43.384.418
263	3. Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán	12	1.768.945.678	1.740.369.217
268	4. Tài sản dài hạn khác		37.310.000	37.310.000
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>154.052.801.208</b>	<b>135.344.143.549</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015


(tiếp theo)


Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
			VND	VND
300	<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>		17.779.830.474	23.337.531.734
310	I. Nợ ngắn hạn		17.779.830.474	23.337.531.734
312	2. Phải trả người bán		-	1.000.000.000
313	3. Người mua trả tiền trước		40.000.000	500.000.000
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	1.235.542.852	963.085.728
315	5. Phải trả người lao động		177.009.600	251.700.000
319	8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	14	16.327.278.022	20.622.746.006
400	<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		136.272.970.734	112.006.611.815
410	I. Vốn chủ sở hữu	15	136.272.970.734	112.006.611.815
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		135.289.000.000	135.289.000.000
417	7. Quỹ đầu tư phát triển		306.000.000	306.000.000
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		445.000.000	445.000.000
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		232.970.734	(24.033.388.185)
440	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>154.052.801.208</b>	<b>135.344.143.549</b>




**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Mã số	CHỈ TIÊU	31/12/2015	01/01/2015
006	6. Chứng khoán lưu ký	197.790.220.000	192.596.510.000
007	6.1. Chứng khoán giao dịch	196.881.370.000	188.386.970.000
008	- Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	990.840.000	985.340.000
009	- Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	194.321.530.000	185.832.630.000
010	- Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	1.569.000.000	1.569.000.000
027	6.5. Chứng khoán chờ thanh toán	893.700.000	4.208.800.000
029	- Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	893.700.000	4.208.800.000
037	6.7. Chứng khoán chờ giao dịch	15.150.000	740.000
039	- Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng trong nước	15.150.000	740.000
050	7. Chứng khoán lưu ký công ty đại chúng chưa niêm yết	648.970.000	670.420.000
051	7.1. Chứng khoán giao dịch	648.970.000	670.420.000
053	- Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	648.970.000	670.420.000
083	9. Chứng khoán chưa lưu ký của công ty chứng khoán	20.440.000.000	10.410.000.000

  
Nguyễn Thanh Nghị  
Người lập

  
Nguyễn Thanh Nghị  
Kế toán trưởng



  
Trần Thiên Hà  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 19 tháng 01 năm 2016



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Năm 2015

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2015	Năm 2014
			VND	VND
01	1. Doanh thu	16	32.217.786.915	6.474.767.605
	<i>Trong đó:</i>			
01.1	Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán		13.639.636.295	1.582.854.731
01.2	Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn		15.617.977.793	62.219.527
01.5	Doanh thu hoạt động tư vấn		1.006.454.000	861.000.000
01.6	Doanh thu lưu ký chứng khoán		39.271.267	-
01.9	Doanh thu khác		1.914.447.560	3.968.693.347
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	16	-	-
10	3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	16	32.217.786.915	6.474.767.605
11	4. Chi phí hoạt động kinh doanh	17	3.221.304.970	(8.627.057.760)
20	5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh		28.996.481.945	15.101.825.365
25	6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	18	4.583.888.907	7.188.946.348
30	7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		24.412.593.038	7.912.879.017
31	8. Thu nhập khác	19	753.765.881	-
32	9. Chi phí khác	20	900.000.000	-
40	10. Lợi nhuận khác		(146.234.119)	-
50	11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		24.266.358.919	7.912.879.017
51	12. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	21	-	-
60	14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>24.266.358.919</u>	<u>7.912.879.017</u>
70	15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	22	1.794	-

*ATgl*

Nguyễn Thanh Nghị  
Người lập

*ATgl*

Nguyễn Thanh Nghị  
Kế toán trưởng



Trần Thiên Hà  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 19 tháng 01 năm 2016

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Năm 2015

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2015	Năm 2014
			VND	VND
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		24.266.358.919	7.912.879.017
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định		945.195.843	1.183.622.567
03	- Các khoản dự phòng		(461.519.885)	(12.010.198.460)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(1.684.143.209)	(4.915.242.840)
06	- Chi phí lãi vay		1.074.728.581	81.708.859
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		24.140.620.249	(7.747.230.857)
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(3.193.844.686)	(1.131.343.446)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho, chứng khoán đầu tư		(12.506.313.057)	152.807.373
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(7.411.575.821)	2.002.323.364
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		43.384.418	22.779.376
13	- Tiền lãi vay đã trả		779.145.980	(81.708.859)
15	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	3.552.524.006
16	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		-	(22.935.601.660)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		1.851.417.083	(26.165.450.703)
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		-	(60.000.000)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		753.765.881	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		1.732.857.328	4.946.268.540
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		2.486.623.209	4.886.268.540
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		-	600.000.000
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		-	(6.398.605.752)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		-	(5.798.605.752)

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Năm 2015

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2015	Năm 2014
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		4.338.040.292	(27.077.787.915)
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm		41.742.254.322	68.820.042.237
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	4	<u>46.080.294.614</u>	<u>41.742.254.322</u>


Nguyễn Thanh Nghị  
Người lập

Nguyễn Thanh Nghị  
Kế toán trưởngTrần Thiên Hà  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 19 tháng 01 năm 2016

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Năm 2015

Năm 2015	Thuyết minh	01/01/2015 VND	Tăng trong năm VND	Giảm trong năm VND	31/12/2015 VND
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		135.289.000.000	-	-	135.289.000.000
7. Quỹ đầu tư phát triển		306.000.000	-	-	306.000.000
8. Quỹ dự phòng tài chính		445.000.000	-	-	445.000.000
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(24.033.388.185)	24.266.358.919	-	232.970.734
<b>CỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>15</b>	<b>112.006.611.815</b>	<b>24.266.358.919</b>	<b>-</b>	<b>136.272.970.734</b>

Năm 2014	Thuyết minh	01/01/2014 VND	Tăng trong năm VND	Giảm trong năm VND	31/12/2014 VND
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		135.289.000.000	-	-	135.289.000.000
7. Quỹ đầu tư phát triển		306.000.000	-	-	306.000.000
8. Quỹ dự phòng tài chính		445.000.000	-	-	445.000.000
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(31.946.267.202)	7.912.879.017	-	(24.033.388.185)
<b>CỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>15</b>	<b>104.093.732.798</b>	<b>7.912.879.017</b>	<b>-</b>	<b>112.006.611.815</b>

Nguyễn Thanh Nghị  
Người lập

Nguyễn Thanh Nghị  
Kế toán trưởng



Trần Thiên Hà  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 19 tháng 01 năm 2016



## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*Năm 2015*

### **1 . THÔNG TIN CHUNG**

#### **1.1 . Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Chứng khoán An Phát thành lập và hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh Chứng khoán số 63/UBCK-GP ngày 15/11/2007 và giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động Công ty Chứng khoán số 06/GPDC-UBCK ngày 10/01/2013 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Trụ sở của Công ty tại: Tầng 5, Tòa nhà Grand Building, Số 32 Hòa Mã, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 135.289.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 135.289.000.000 đồng; tương đương 13.528.900 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Cổ phiếu của Công ty chính thức đăng ký giao dịch tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội) từ ngày 05 tháng 04 năm 2010 với mã giao dịch là APG.

#### **1.2 . Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động kinh doanh của Công ty gồm: Môi giới chứng khoán; Tự doanh chứng khoán; Tư vấn đầu tư chứng khoán; Lưu ký chứng khoán.

### **2 . CHIẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY**

#### **2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

#### **2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

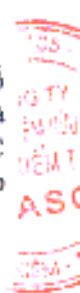
##### *Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán.

Ngày 30 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2014/TT-BTC thay thế Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24/10/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với Công ty chứng khoán và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20/10/2010 về hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24/10/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với Công ty chứng khoán và có hiệu lực áp dụng từ ngày 01/01/2016.

##### *Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.



*Hình thức kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

**2.3 . Công cụ tài chính**

*Ghi nhận ban đầu*

**Tài sản tài chính**

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

**Nợ phải trả tài chính**

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

*Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**2.4 . Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

**2.5 . Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

**2.6 . Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- |                                   |             |
|-----------------------------------|-------------|
| - Máy móc, thiết bị               | 05 - 10 năm |
| - Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 10 năm      |
| - Phần mềm quản lý                | 05 năm      |



**2.7 . Chứng khoán đầu tư**

Chứng khoán đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Cổ tức và trái tức nhận được trong năm tài chính được ghi nhận giảm giá vốn chứng khoán đối với khoản lãi dồn tích trước ngày mua và ghi nhận tăng doanh thu đầu tư đối với phần lãi kể từ ngày mua.

Công ty áp dụng phương pháp bình quân gia quyền để tính giá vốn cổ phiếu bán ra.

**2.8 . Các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Kỳ phiếu, tín phiếu kho bạc, tiền gửi ngân hàng có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

**2.9 . Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn**

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán: nếu chứng khoán đã được niêm yết thì giá trị thị trường được tính theo giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) hoặc giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSX); nếu chứng khoán chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán thì giá trị thị trường được xác định theo giá giao dịch bình quân trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) tại ngày lập dự phòng hoặc giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch được cung cấp tối thiểu bởi ba công ty chứng khoán tại thời điểm lập dự phòng. Trường hợp không thể xác định được giá thị trường của chứng khoán thì Công ty không trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán. Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi thì giá trị thị trường là giá trị sổ sách tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất;
- Đối với các khoản đầu tư dài hạn vào tổ chức kinh tế: mức trích lập dự phòng được xác định dựa vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của tổ chức kinh tế.

**2.10 . Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

**2.11 . Chi phí trả trước**

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính hoặc chu kỳ kinh doanh.

Các chi phí đã phát sinh trong năm nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.



**2.12 . Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

**2.13 . Ghi nhận doanh thu***Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

*Doanh thu về vốn kinh doanh, cổ tức và lợi nhuận được chia*

- Thu nhập phát sinh từ tiền lãi được ghi nhận trên Báo cáo kết quả kinh doanh trên cơ sở dồn tích;
- Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn;

**2.14 . Các khoản thuế***Thuế hiện hành*

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ tính thuế.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN PHÁT**

Tầng 5, Tòa nhà Grand Building,  
Số 32 Hòa Mã, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

**2.15 . Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

**3 . GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THỰC HIỆN TRONG NĂM**

	<u>Khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong năm</u>	<u>Giá trị khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong năm</u> VND
Của Công ty Chứng khoán	226.250	3.099.275.000
- Cổ phiếu	226.250	3.099.275.000
Của người đầu tư	29.869.131	278.596.328.300
- Cổ phiếu	29.869.131	278.596.328.300
	<u>30.095.381</u>	<u>281.695.603.300</u>

**4 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<u>31/12/2015</u> VND	<u>01/01/2015</u> VND
Tiền mặt tại quỹ	4.789.000	8.499.173
Tiền gửi ngân hàng	13.564.139.645	779.651.635
Tiền gửi về giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư	711.365.969	1.354.103.514
Các khoản tương đương tiền	31.800.000.000	39.600.000.000
	<u>46.080.294.614</u>	<u>41.742.254.322</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, các khoản tương đương tiền có giá trị 31.800.000.000 đồng được gửi tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội với kỳ hạn 03 tháng (từ 07/12/2015 đến 07/02/2016), lãi suất 4,6%/năm.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN PILOT**

Tầng 5, Tòa nhà Grand Building,

Số 32 Hòa Mã, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Báo cáo tài chính  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

**5 - CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

	Số lượng		Giá In theo số kế toán		Tăng so với giá trị tương		Giảm so với giá trị tương		Tổng giá trị theo giá trị tương	
	31/12/2015	01/01/2015	31/12/2015	01/01/2015	31/12/2015	01/01/2015	31/12/2015	01/01/2015	31/12/2015	01/01/2015
			VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Chứng khoán thương mại</b>			<b>39.556.885.057</b>	<b>27.050.572.000</b>	<b>-</b>	<b>26.228.000</b>	<b>(858.302.157)</b>	<b>(691.888.100)</b>	<b>38.698.582.900</b>	<b>26.384.911.900</b>
Chứng khoán niêm yết			149.325.057	68.272.000	-	26.228.000	(15.922.557)	-	133.402.500	94.500.000
- VND	11.025	7.500	149.325.057	68.272.000	-	26.228.000	(15.922.557)	-	133.402.500	94.500.000
Chứng khoán Upcoms			912.300.000	912.300.000	-	-	(842.379.600)	(691.888.100)	69.920.400	220.411.900
- NOS	88.034	88.034	788.725.500	788.725.500	-	-	(735.905.100)	(691.888.100)	52.820.400	96.837.400
- SDF	3.000	3.000	123.574.500	123.574.500	-	-	(106.474.500)	-	17.100.000	123.574.500
Chứng khoán chưa niêm yết (*)			38.495.260.000	26.070.000.000	-	-	-	-	38.495.260.000	26.070.000.000
- Tổng Công ty Cổ phần Bảo	13.000	13.000	145.000.000	145.000.000	-	-	-	-	145.000.000	145.000.000
hiểm Bảo Long										
- Công ty CP Chứng khoán Đại	20.000	20.000	320.000.000	320.000.000	-	-	-	-	320.000.000	320.000.000
Việt										
- Công ty CP Bất động sản Dầu	5.000	5.000	105.000.000	105.000.000	-	-	-	-	105.000.000	105.000.000
khí										
- Công ty CP Đầu tư Xây lắp	1.000.000	1.000.000	25.500.000.000	25.500.000.000	-	-	-	-	25.500.000.000	25.500.000.000
Dầu khí Việt Nam										
- Công ty CP Dầu khí Thái	1.003.000	-	12.425.260.000	-	-	-	-	-	12.425.260.000	-
Dương										
			<b>39.556.885.057</b>	<b>27.050.572.000</b>	<b>-</b>	<b>26.228.000</b>	<b>(858.302.157)</b>	<b>(691.888.100)</b>	<b>38.698.582.900</b>	<b>26.384.911.900</b>

(\*) Đối với các chứng khoán chưa niêm yết, tại thời điểm cuối năm Công ty không thu thập được giá chứng khoán liệy tế tên thị trường nên Công ty không trích lập dự phòng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN PHÁT**

Tầng 5, Tòa nhà Grand Building,

Số 22 Hòa Mã, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

**6 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN**

	01/01/2015		Số phát sinh trong năm		31/12/2015		Tổng số dự phòng đã lập VND
	Tổng số VND	Số quá hạn VND	Tăng VND	Giảm VND	Tổng số VND	Số quá hạn VND	
<b>Phải thu của khách hàng</b>	-	-	19.180.500.000	5.045.000.000	14.135.500.000	-	-
- Phải thu dịch vụ tư vấn	-	-	110.000.000	-	110.000.000	-	-
- Phải thu hoạt động tự doanh	-	-	19.070.500.000	5.045.000.000	14.025.500.000	-	-
<b>Trả trước cho người bán</b>	12.000.000.000	-	32.000.000.000	28.000.000.000	16.000.000.000	-	-
- Trả trước tiền mua hàng hóa, dịch vụ	12.000.000.000	-	32.000.000.000	28.000.000.000	16.000.000.000	-	-
<b>Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán</b>	50.137.763.087	-	239.170.985.608	254.033.901.447	35.274.847.248	-	(1.482.963.054)
- Phải thu khách hàng về giao dịch chứng khoán	10.733.536	-	463.222.451	463.196.730	10.739.257	-	-
- Phải thu Trung tâm lưu ký chứng khoán	3.322.504.124	-	74.528.771	-	74.528.771	-	-
- Phải thu ứng trước tiền bán chứng khoán	34.705.000.000	-	94.586.111.150	97.485.261.323	423.353.951	-	(163.245.844)
- Phải thu hợp đồng hợp tác kinh doanh	12.099.525.427	-	144.047.123.236	6.872.320.158	27.832.679.842	-	(1.319.717.210)
- Phải thu hợp đồng margin	-	-	98.635.000	149.213.123.236	6.933.525.427	-	-
<b>Các khoản phải thu khác</b>	-	-	98.635.000	-	98.635.000	-	-
- Kênh phí công đoàn	-	-	1.115.000	-	1.115.000	-	-
- Phải thu lãi tiền gửi, tiền cho vay	-	-	97.520.000	-	97.520.000	-	-
	<b>62.137.763.087</b>	-	<b>290.450.120.608</b>	<b>287.078.901.447</b>	<b>65.508.982.248</b>	-	<b>(1.482.963.054)</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN PHÁT**Tầng 5, Tòa nhà Grand Building,  
Số 32 Hòa Mã, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Tình hình trích lập dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi			
	Năm 2015		Năm 2014
	VND		VND
Tại ngày 01/01	2.110.896.996		400.000.000
Hoàn nhập	(627.933.942)		1.710.896.996
<b>Tại ngày 31/12</b>	<b>1.482.963.054</b>		<b>2.110.896.996</b>
<b>7 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC</b>			
	31/12/2015	01/01/2015	
	VND	VND	
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	1.251.270.075	1.251.270.075	
	<b>1.251.270.075</b>	<b>1.251.270.075</b>	
<b>8 . TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC</b>			
	31/12/2015	01/01/2015	
	VND	VND	
Tạm ứng	13.611.770	122.042.706	
Các khoản thế chấp, ký quỹ, ký cược	5.200.000	5.200.000	
	<b>18.811.770</b>	<b>127.242.706</b>	
<b>9 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH</b>			
	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Cộng
	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>			
Tại ngày 01/01/2015	5.052.768.446	1.000.000.000	6.052.768.446
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.000.000.000)	(1.000.000.000)
<b>Tại ngày 31/12/2015</b>	<b>5.052.768.446</b>	<b>-</b>	<b>5.052.768.446</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Tại ngày 01/01/2015	3.738.452.819	50.000.000	3.788.452.819
Trích khấu hao	614.681.320	50.000.000	664.681.320
Thanh lý, nhượng bán	-	(100.000.000)	(100.000.000)
<b>Tại ngày 31/12/2015</b>	<b>4.353.134.139</b>	<b>-</b>	<b>4.353.134.139</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày 01/01/2015	1.314.315.627	950.000.000	2.264.315.627
<b>Tại ngày 31/12/2015</b>	<b>699.634.307</b>	<b>-</b>	<b>699.634.307</b>

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 902.811.647 đồng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN PHÁT**Tầng 5, Tòa nhà Grand Building,  
Số 32 Hòa Mã, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

**10 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Phần mềm giao dịch, kế toán	Cộng
	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>		
Tại ngày 01/01/2015	3.596.296.230	3.596.296.230
<b>Tại ngày 31/12/2015</b>	<b>3.596.296.230</b>	<b>3.596.296.230</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>		
Tại ngày 01/01/2015	2.895.502.393	2.895.502.393
Trích khấu hao	280.514.523	280.514.523
<b>Tại ngày 31/12/2015</b>	<b>3.176.016.916</b>	<b>3.176.016.916</b>
<b>Giá trị còn lại</b>		
Tại ngày 01/01/2015	700.793.837	700.793.837
<b>Tại ngày 31/12/2015</b>	<b>420.279.314</b>	<b>420.279.314</b>

**11 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Đầu tư dài hạn khác (Công ty CP Đầu Tư Sức Khỏe Việt) (*)	1.350.000.000	1.350.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	(335.656.644)	(335.656.644)
	<b>1.014.343.356</b>	<b>1.014.343.356</b>

(\*) Khoản đầu tư vào Công ty CP Đầu tư Sức khỏe Việt được thực hiện với tư cách cổ đông sáng lập. Theo điều lệ và giấy đăng ký kinh doanh, số vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư Sức Khỏe Việt là 30.000.000.000 VND, trong đó vốn góp cam kết của Công ty là 4.500.000.000 đồng (tương đương 450.000 cổ phần, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần). Tại ngày 31/12/2015, Công ty đã góp 1.350.000.000 đồng (tương đương 135.000 cổ phần). Số dự phòng được trích lập theo báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014.

**12 . TIỀN NỢ QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN**

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Tiền nợ ban đầu	120.000.000	120.000.000
Tiền nợ bổ sung	1.089.961.475	1.061.385.014
Tiền lãi phân bổ trong năm	558.984.203	558.984.203
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>1.768.945.678</b>	<b>1.740.369.217</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN PHÁT**Tầng 5, Tòa nhà Grand Building,  
Số 32 Hòa Mã, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

**13 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC**

	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	257.565.050	162.837.231
Thuế Thu nhập cá nhân	761.752.683	621.236.378
Các loại thuế khác	216.225.119	179.012.119
	<u><b>1.235.542.852</b></u>	<u><b>963.085.728</b></u>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**14 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ NGẮN HẠN KHÁC**

	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	-	6.605.000
Phải trả nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán	711.365.969	1.354.103.514
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn (*)	13.646.334.388	19.146.334.388
Phải trả cổ tức cho cổ đông	31.300.000	31.300.000
Phải trả lãi của khoản nhận đặt cọc	1.853.874.561	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	84.403.104	84.403.104
	<u><b>16.327.278.022</b></u>	<u><b>20.622.746.006</b></u>

(\*) Khoản nhận đặt cọc của Công ty Tài chính Cổ phần Điện Lực theo hợp đồng môi giới mua trái phiếu số 13/2013/HDMG/EVNFC-ANPHAT ngày 10/06/2013 và phụ lục hợp đồng ngày 25/11/2014. Theo hợp đồng, Công ty sẽ thay mặt cho Công ty Tài chính Cổ phần Điện Lực tìm mua 2.000.000 trái phiếu Chính phủ kỳ hạn 03 năm, lãi suất tối thiểu 10%/năm, thời hạn phụ lục hợp đồng đến 30/11/2015.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN PHÁT**

Tầng 5, Tòa nhà Grand Building,  
Số 32 Hòa Mã, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

**15 . VỐN CHỦ SỞ HỮU****a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Năm 2014</b>					
Tại ngày 01/01/2014	135.289.000.000	306.000.000	445.000.000	(31.946.267.202)	104.093.732.798
Lãi trong năm	-	-	-	7.912.879.017	7.912.879.017
Tại ngày 31/12/2014	<u>135.289.000.000</u>	<u>306.000.000</u>	<u>445.000.000</u>	<u>(24.033.388.185)</u>	<u>112.006.611.815</u>
<b>Năm 2015</b>					
Tại ngày 01/01/2015	135.289.000.000	306.000.000	445.000.000	(24.033.388.185)	112.006.611.815
Lãi trong năm	-	-	-	24.266.358.919	24.266.358.919
Tại ngày 31/12/2015	<u>135.289.000.000</u>	<u>306.000.000</u>	<u>445.000.000</u>	<u>232.970.734</u>	<u>136.272.970.734</u>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN PHÁT**Tầng 5, Tòa nhà Grand Building,  
Số 32 Hòa Mã, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Tỷ lệ (%)	31/12/2015 VND	Tỷ lệ (%)	01/01/2015 VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nha Trang - Hà Nội	0,00%	-	22,17%	30.000.000.000
Ông Nguyễn Hồ Hưng	16,69%	22.575.000.000	16,69%	22.575.000.000
Ông Trần Thiên Hà	10,81%	14.620.000.000	3,92%	5.300.000.000
Cổ đông khác	72,51%	98.094.000.000	57,22%	77.414.000.000
	<b>100%</b>	<b>135.289.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>135.289.000.000</b>

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	135.289.000.000	135.289.000.000
- Vốn góp đầu năm	135.289.000.000	135.289.000.000
- Vốn góp cuối năm	135.289.000.000	135.289.000.000

**d) Cổ phiếu**

	31/12/2015	01/01/2015
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	13.528.900	13.528.900
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	13.528.900	13.528.900
- Cổ phiếu phổ thông	13.528.900	13.528.900
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	13.528.900	13.528.900
- Cổ phiếu phổ thông	13.528.900	13.528.900
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành (VND)	10.000	10.000

**16 . DOANH THU**

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
<b>Doanh thu</b>	<b>32.217.786.915</b>	<b>6.474.767.605</b>
<i>Trong đó:</i>		
- Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	13.639.636.295	1.582.854.731
- Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	15.617.977.793	62.219.527
- Doanh thu hoạt động tư vấn	1.006.454.000	861.000.000
- Doanh thu lưu ký chứng khoán	39.271.267	-
- Doanh thu khác	1.914.447.560	3.968.693.347
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh</b>	<b>32.217.786.915</b>	<b>6.474.767.605</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN PHÁT**Tầng 5, Tòa nhà Grand Building,  
Số 32 Hòa Mã, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

**17 . CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Chi phí hoạt động môi giới chứng khoán	189.788.977	366.623.333
Chi phí hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	14.358.736	91.128.000
Chi phí hoạt động lưu ký chứng khoán	1.174.087	-
Chi phí dự phòng	166.414.057	(13.721.095.456)
Chi phí khác	1.853.874.561	3.577.983.372
Chi phí trực tiếp chung	995.694.552	1.058.302.991
	<b>3.221.304.970</b>	<b>(8.627.057.760)</b>

**18 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	2.416.566.563	2.482.244.511
Chi phí vật liệu, công cụ dụng cụ	-	4.230.000
Chi phí khấu hao tài sản cố định	964.756.511	1.243.711.943
Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	3.000.000
Hoàn nhập chi phí dự phòng	(627.933.942)	1.710.896.996
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.013.750.151	1.171.678.149
Chi phí khác bằng tiền	813.749.624	573.184.749
	<b>4.583.888.907</b>	<b>7.188.946.348</b>

**19 . THU NHẬP KHÁC**

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	681.818.181	-
Thu nhập khác	71.947.700	-
	<b>753.765.881</b>	<b>-</b>

**20 . CHI PHÍ KHÁC**

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Chi phí thanh lý tài sản cố định	900.000.000	-
	<b>900.000.000</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN PHÁT**

Tầng 5, Tòa nhà Grand Building,  
Số 32 Hòa Mã, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

**21 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	24.266.358.919	7.912.879.017
Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm	(24.847.320.558)	(32.741.164.575)
- <i>Cổ tức, lợi nhuận được chia</i>	(19.035.000)	(31.025.700)
- <i>Chuyển lỗ các năm trước</i>	(24.828.285.558)	(32.710.138.875)
Tổng thu nhập tính thuế	(580.961.639)	(24.828.285.558)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	22%	22%
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	(1.251.270.075)	(1.251.270.075)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	-	-
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cuối năm</b>	<b>(1.251.270.075)</b>	<b>(1.251.270.075)</b>

**22 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	24.266.358.919	7.912.879.017
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	24.266.358.919	7.912.879.017
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	13.528.900	13.528.900
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>1.794</b>	<b>585</b>

**23 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị số kế toán			
	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	46.080.294.614	-	41.742.254.322	-
Phải thu khách hàng, phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán, phải thu khác	49.508.982.248	(1.482.963.054)	50.137.763.087	(2.110.896.996)
Đầu tư ngắn hạn	39.556.885.057	(858.302.157)	27.050.572.000	(691.888.100)
Đầu tư dài hạn	1.350.000.000	(335.656.644)	1.350.000.000	(335.656.644)
	<b>136.496.161.919</b>	<b>(2.676.921.855)</b>	<b>120.280.589.409</b>	<b>(3.138.441.740)</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN PHÁT**Tầng 5, Tòa nhà Grand Building,  
Số 32 Hòa Mã, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

	Giá trị số kế toán	
	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
<b>Nợ phải trả tài chính</b>		
Phải trả người bán, phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán, phải trả khác	16.327.278.022	21.622.746.006
	<b>16.327.278.022</b>	<b>21.622.746.006</b>

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

**Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá và lãi suất.

**Rủi ro về giá:**

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

**Rủi ro về lãi suất:**

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN PHÁT**Tầng 5, Tòa nhà Grand Building,  
Số 32 Hòa Mã, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội**Báo cáo tài chính**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 31/12/2015</b>				
Tiền và các khoản trương đương tiền	46.080.294.614	-	-	46.080.294.614
Phải thu khách hàng, phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán, phải thu khác	48.026.019.194	-	-	48.026.019.194
Đầu tư ngắn hạn	38.698.582.900	-	-	38.698.582.900
Đầu tư dài hạn	-	1.014.343.356	-	1.014.343.356
	<b>132.804.896.708</b>	<b>1.014.343.356</b>	-	<b>133.819.240.064</b>
<b>Tại ngày 01/01/2015</b>				
Tiền và các khoản trương đương tiền	41.742.254.322	-	-	41.742.254.322
Phải thu khách hàng, phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán, phải thu khác	48.026.866.091	-	-	48.026.866.091
Đầu tư ngắn hạn	26.358.683.900	-	-	26.358.683.900
Đầu tư dài hạn	-	1.014.343.356	-	1.014.343.356
	<b>116.127.804.313</b>	<b>1.014.343.356</b>	-	<b>117.142.147.669</b>

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở đồng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 31/12/2015</b>				
Phải trả người bán, phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán, phải trả khác	16.327.278.022	-	-	16.327.278.022
	<b>16.327.278.022</b>	-	-	<b>16.327.278.022</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN PHÁT**Tầng 5, Tòa nhà Grand Building,  
Số 32 Hòa Mã, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 01/01/2015</b>				
Phải trả người bán, phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán, phải trả khác	21.622.746.006	-	-	21.622.746.006
	<u>21.622.746.006</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>21.622.746.006</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

**24 . CÁC KHOẢN TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN DOANH NGHIỆP NẪM GIỮ NHƯNG KHÔNG ĐƯỢC SỬ DỤNG**

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Các khoản tiền phải trả nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán	711.365.969	1.354.103.514
	<u>711.365.969</u>	<u>1.354.103.514</u>

**25 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN PHÁT**

Tầng 5, Tòa nhà Grand Building,  
Số 32 Hòa Mã, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

**Báo cáo tài chính**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

**26 . BÁO CÁO BỘ PHẬN****Theo lĩnh vực kinh doanh**

	Hoạt động môi giới chứng khoán	Hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	Hoạt động kinh doanh nguồn vốn và hoạt động khác	Tổng cộng các bộ phận	Loại trừ	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ hoạt động kinh doanh	13.678.907.562	15.617.977.793	2.920.901.560	32.217.786.915	-	32.217.786.915
Chi phí bộ phận trực tiếp	190.963.064	180.772.793	1.853.874.561	2.225.610.418	-	2.225.610.418
Chi phí không phân bổ	-	-	-	995.694.552	-	995.694.552
<b>Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh</b>	<b>13.487.944.498</b>	<b>15.437.205.000</b>	<b>1.067.026.999</b>	<b>28.996.481.945</b>	<b>-</b>	<b>28.996.481.945</b>
Tài sản bộ phận trực tiếp	18.565.599.675	53.738.426.256	65.616.596.166	137.920.622.097	-	137.920.622.097
Tài sản không phân bổ	-	-	-	16.132.179.111	-	16.132.179.111
<b>Tổng tài sản</b>	<b>18.565.599.675</b>	<b>53.738.426.256</b>	<b>65.616.596.166</b>	<b>154.052.801.208</b>	<b>-</b>	<b>154.052.801.208</b>
Nợ phải trả bộ phận trực tiếp	16.327.278.022	-	40.000.000	16.367.278.022	-	16.367.278.022
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	1.412.552.452	-	1.412.552.452
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>16.327.278.022</b>	<b>-</b>	<b>40.000.000</b>	<b>17.779.830.474</b>	<b>-</b>	<b>17.779.830.474</b>

**Theo khu vực địa lý**

Toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty đều diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam, do vậy Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN PHÁT**

Tầng 5, Tòa nhà Grand Building,  
Số 32 Hòa Mã, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

**27 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Thu nhập của Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị	518.736.000	436.848.000

**28 . SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.



Nguyễn Thanh Nghị  
Người lập



Nguyễn Thanh Nghị  
Kế toán trưởng



Trần Thiên Hà  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 19 tháng 01 năm 2016

